

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 01-11-2019
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Ngọc Canh;

2. Bà Ngô Thị Diễm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, về Tranh chấp về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST –HNGĐ, ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hàng Thanh P, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm CD, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Th, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm CD, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hàng Thanh P trình bày:**

- Về hôn nhân: Vào năm 1991, ông và bà Võ Thị Th có tổ chức đám cưới nhưng từ đó nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhiều năm và đã có 03 con chung. Nhưng đến năm 2005 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù vợ chồng đã cố gắng

hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng không được và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Th.

- Về con chung : Ông và bà Th chung sống có 03 con chung tên Hàng Thị Tr, sinh năm 1992; Hàng Ngọc H, sinh năm 1994 và Hàng Văn Q, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Võ Thị Th trình bày:**

-Về hôn nhân: Bà thống nhất lời trình bày của ông P về quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của ông P, bà thống nhất ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông P chung sống có 03 con chung tên Hàng Thị Tr, sinh năm 1992; Hàng Ngọc H, sinh năm 1994 và Hàng Văn Q, sinh năm 1998. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Hàng Thanh P và bà Võ Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, về việc “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn bà Võ Thị Th có hộ khẩu thường trú tại khóm CD, phường AL, thị xã HN, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã HN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Hàng Thanh P yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P và bà Th cưới nhau vào năm 1991, từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc và đã có 03 con chung với nhau, sau đó thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông P và bà Th trình bày là do bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2005 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông P và bà Th thống nhất ly hôn nhau, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông P và bà Th chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, như vậy việc kết hôn của ông bà đã vi phạm quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ 1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".*

Căn cứ vào quy định trên, Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận ông Hàng Thanh P và bà Võ Thị Th là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông P và bà Th chung sống có 03 con chung tên: Hàng Thị Trinh, sinh năm 1992; Hàng Ngọc Huyền, sinh năm 1994 và Hàng Văn Quý, sinh năm 1998. Hiện các con chung đã trưởng thành, nên ông P và bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông P và bà Th cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông P và bà Th trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã HN phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận ông Hàng Thanh P và bà Võ Thị Th là vợ chồng, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

Nguyên đơn ông Hàng Thanh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0007326 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, ông Hàng Thanh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Võ Thị Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Hàng Thanh P và bà Võ Thị Th là vợ chồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hàng Thanh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chỉ đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0007326 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HN, ông Hàng Thanh P đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/11/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TX. HN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống